TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày: 10-9-2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị T, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:*

1. Anh Đinh Hữu N, sinh năm: 1984.

2. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có mặt; Anh N và chị T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị yêu cầu anh N và chị T1 trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 40.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày xét xử. Cụ thể:

Do quen biết hàng xóm với nhau nên anh N và chị T1 tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng do chị làm chủ hụi, mở ngày 10/12/2020, mãn ngày 10/7/2023, nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên kéo dài ngày mãn hụi đến ngày 10/9/2023. Hụi gồm 32 phần, chị T1 tham gia 01 phần, chị T1 lĩnh hụi lần thứ nhất, chị giao tiền lĩnh hụi cho anh N và chị T1 nhận ngày 14/12/2020. Từ ngày 10/11/2021 đến nay anh N và chị T1 không góp hụi. Hiện còn nợ lại 20 lần hụi phải góp với số tiền 40.000.000 đồng. Trước đây chị khởi kiện và chọn hòa giải viên hòa giải, đến ngày hòa giải chị T1 có mặt còn anh N vắng mặt và chị T1 thừa nhận còn nợ chị số tiền 40.000.000 đồng và xin trả dần 1.000.000 đồng/ tháng, vì thấy chị T1 khó khăn nên chị đồng ý, hai bên có làm giấy tay và chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, chị T1 và anh N không thực hiện đúng thỏa thuận và hẹn nhiều lần, hơn nữa thời gian gần đây chị cũng không liên lạc được với chị T1.

Do đó chị yêu cầu anh N và chị T1 có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nêu trên. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Đinh Hữu N trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai 15/5/2024, trước đây anh và chị T1 là vợ chồng, tuy nhiên anh và chị T1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 26/2021/QĐ-HGT-HNGĐ, ngày 27/10/2021. Anh thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị T1 có tham gia góp hụi và số tiền còn nợ như chị T trình bày. Tuy nhiên, khi ly hôn anh và chị T1 có nhiều khoản nợ nên anh chị thỏa thuận thống nhất chị T1 có nghĩa vụ trả nợ hụi cho chị T 40.000.000 đồng còn anh có nghĩa vụ nuôi con và trả các khoản nợ khác bên gia đình anh, tuy nhiên không thể hiện trong Quyết định số 26/2021/QĐ-HGT-HNGĐ, cũng không thông báo cho chị T biết. Khoảng tháng 4/2023 chị T có khởi kiện anh và chị T1, chị T1 đã thừa nhận nợ và cam kết trả nợ, chị T đồng ý và đã rút đơn khởi kiện. Mặc dù, số tiền mà chị T yêu cầu là nợ chung của anh và chị T1 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nhưng cả hai đã thỏa thuận thống nhất chị T1 có nghĩa vụ trả và chị T đã đồng ý nên anh không đồng ý trả theo yêu cầu của chị T.

- *Bị đơn chị T1 trình bày:* Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng chị T1 không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" đối với anh Đinh Hữu N và chị Nguyễn Thị T1. Buộc anh Đinh Hữu N và chị Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị T số tiền hụi còn nợ là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 10/9/2023 đến ngày xét xử.

+ Về án phí: Anh Đinh Hữu N và chị Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị T không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Hữu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị Nguyễn Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T yêu cầu anh N và chị T1 trả lại số tiền hụi còn phải góp là 40.000.000 đồng. Anh N không đồng ý vì giữa anh với chị T1 đã thỏa thuận, chị T1 có nghĩa vụ trả nợ cho chị T, chị T biết và đã đồng ý nên một mình chị T1 có nghĩa vụ trả chị T.

[3] Xét yêu cầu của chị T thì thấy:

[3.1] Chị T cung cấp sổ hụi (BL 04), giấy lĩnh tiền hụi (BL 05) và Tờ thỏa thuận ngày 26/4/2023 (BL 03). Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 anh N thừa nhận có tham gia góp hụi, số tiền hụi còn nợ và xác nhận chữ ký tại mục "Ký nhận tiền" đúng là của anh và chị T1. Chị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản đối tuy nhiên tại biên bản xác minh (BL 50) thể hiện chữ ký và dấu vân tay trên Tờ thỏa thuận ngày 26/4/2024 là của chị T1. Chính vì vậy, có cơ sở xác định việc góp hụi giữa chị T với anh N và chị T1 và số tiền còn nợ là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với lời trình bày của anh Đinh Hữu N: Xét thấy, số tiền nợ hụi nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị T1, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 anh N thừa nhận số tiền lĩnh hụi sử dụng vào việc chi phí, sinh hoạt chung trong gia đình. Mặc dù, anh N cho rằng giữa anh và chị T1 thỏa thuận chị T1 có nghĩa vụ trả nợ cho chị T nhưng chưa được sự đồng ý của chị T, hơn nữa anh không có chứng cứ gì để chứng minh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập thì vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm*".

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để xác định số tiền nợ hụi của chị T là nợ chung của chị T1 và anh N trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu của chị T là có căn cứ chấp nhận, cần buộc chị T1 và anh N cùng có nghĩa vụ trả

cho chị T số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: Xét thấy, chị T1 và anh N không thực hiện nghĩa vụ góp hụi từ ngày 10/11/2021 đến ngày mãn hụi ngày 10/9/2023 và đến nay chưa trả. Chứng tỏ chị T1 và anh N đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị T. Tại phiên toà, chị T yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 10/9/2023 đến ngày xét xử ngày 10/9/2024 là 12 tháng. Do đó, cần buộc chị T1 và anh N có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền 40.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự (10%/ năm) và tiền lãi chậm trả được tính như sau:

40.000.000 đồng x 10 %/ năm x 12 tháng = 4.000.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T nên chị T1 và anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" đối với chị Nguyễn Thị T1 và anh Đinh Hữu N.

Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Đinh Hữu N có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị T số tiền 44.000.000 (bốn mươi bốn triệu) đồng. Trong đó, chị T1 và anh N mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị T1 và anh Đinh Hữu N, mỗi người phải chịu 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu số 0012183 ngày 23-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui